

Bản án số: 20/2019/HN-PT

Ngày: 29/8/2019

V/v: “Tranh chấp xin ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Nguyễn

Các Thẩm phán: Ông Trần Minh Hải

Bà Phạm Thị Minh Châu

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đức Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Dương Quy Thái – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 13/2019/TLPT-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2019 về việc: “Tranh chấp xin ly hôn”.

Do Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 151/2019/HNGĐ-ST ngày 17 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện P bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 263/2019/QĐ-PT ngày 02 tháng 7 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 159/2019 ngày 29/7/2019; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 132/2019/TB-TA ngày 19/8/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Mỹ L, sinh năm 1999;

Cư trú: Số 2, tổ 3, ấp Vĩnh L, xã Vĩnh Thạnh T, huyện Châu P, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn N, sinh năm 1996;

Cư trú: Số 9, tổ 2, ấp L, xã L, huyện P, tỉnh An Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Trần Văn Q, sinh năm 1971;

2. Trần Ngọc T, sinh năm 1976;

Cư trú: Số 9, tổ 9, ấp L, xã L, huyện P, tỉnh An Giang.

- Người kháng cáo: Nguyên đơn Nguyễn Mỹ L.

- Người làm chứng:

1. Nguyễn Thị C, sinh năm 1971;

Số 74, tổ 4, ấp Vĩnh L, xã Vĩnh Thạnh T, huyện Châu P, tỉnh An Giang

2. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1982;

Cùng cư ngụ: Số 73, tổ 4, ấp Vĩnh L, xã Vĩnh Thạnh T, huyện Châu P, tỉnh An Giang.

3. Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1976;

Cư trú: Số 696, tổ 6, ấp L, xã L, huyện P, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa có mặt các ông, bà: Nguyễn Mỹ L, Trần Văn Q và Trần Ngọc T, Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thanh H; vắng mặt: Anh Trần Văn N (Có Đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm thể hiện:

* Nguyên đơn: Chị Nguyễn Mỹ L, trình bày:

- Quan hệ hôn nhân: Qua mai mối chị và anh Trần Văn N đồng ý tiến tới hôn nhân, gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào ngày 19/01/2017, không đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, chị và anh N sống chung nhà với cha mẹ chồng. Khoảng cuối tháng 5/2017, phát sinh mâu thuẫn từ sau khi mẹ chồng mượn vàng và do anh N nhiều lần uống rượu về nhà đánh chị, chị bỏ về nhà cha mẹ ruột ở. Từ tháng 8/2017 đến nay, vợ chồng ly thân. Nay, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn N.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung: Không có.

- Nợ chung: Không có.

- Về tài sản riêng: Cha mẹ chồng là ông Trần Văn Q, bà Trần Ngọc T tặng cho riêng con dâu trong ngày cưới là 32 chỉ vàng 24kara gồm: 01 chiếc vòng đeo tay 10 chỉ, 01 chiếc lắc đeo tay 10 chỉ, 01 sợi dây chuyền 10 chỉ, 01 nhẫn đeo tay 01 chỉ, 01 đôi bông 01 chỉ. Ngày mùng 5 tháng 5 âm lịch năm 2017, trong buổi tiệc tại nhà cha mẹ của chị L, cha mẹ chồng có hỏi cha mẹ ruột mượn lại số vàng cưới của chị L để mua đất ruộng. Khi đưa vàng có mặt dì ruột Nguyễn Thị L và Nguyễn Thị C chứng kiến. Ba ngày sau tại nhà cha mẹ chồng, chị đưa cho mẹ chồng 32 chỉ vàng cưới là vàng 24k loại 9999, khi đưa vàng chỉ có mặt chồng và mẹ chồng, ngoài ra không có ai chứng kiến. Sau đó, khoảng một tháng không thấy cha mẹ chồng mua đất, nên chị hỏi, mẹ chồng không trả lời. Chị L cho rằng đây là vàng cưới cha mẹ chồng cho riêng chị trong ngày

cưới, chị yêu cầu ông Quan, bà T trả cho chị 32 chỉ vàng 24k loại 9999; cũng trong ngày cưới cha mẹ ruột chị L có cho riêng chị L 10 chỉ vàng 24k và 14 chỉ vàng 18k. Ngoài ra, không còn tài sản nào khác.

* Bị đơn anh Trần Văn N trình bày: Ngày 19/01/2017â, anh và chị L kết hôn, nhưng không đăng ký kết hôn, sau đó phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường cự cãi. Ngày 15/8/2017â, chị L bỏ nhà đi đến nay. Nay chị L yêu cầu ly hôn, anh đồng ý ly hôn.

- Về con chung, nợ chung: Không có

- Về tài sản chung: Khi đám cưới, gia đình anh cho 32 chỉ vàng 24k, gia đình chị L cho 10 chỉ vàng 24k và 14 chỉ vàng 18k, toàn bộ số vàng này chị L giữ, anh tự nguyện cho chị L, không yêu cầu chia.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Ngọc T, ông Trần Văn Q thống nhất trình bày:

Ông bà cưới vợ cho anh N, tổ chức lễ hỏi và lễ cưới. Tại lễ hỏi ngày 19/8/2016 â, ông bà cho vàng cưới 32 chỉ vàng 24k loại 9999 gồm các loại nữ trang như chị L trình bày trên, nhưng cho chung N - L, chứ không cho riêng L. Tại lễ cưới ngày 19/01/2017 â, cha mẹ L cho L - N 10 chỉ vàng 24k và 14 chỉ vàng 18k. Toàn bộ số vàng cưới và vàng cha mẹ L cho, do L giữ.

Ngày mừng 05-5-2017 â, ông bà có đến nhà cha mẹ ruột của L ăn mừng 05 tháng 5, có mặt dì ruột của L là bà C, ông bà và cha mẹ L không có trao đổi gì về việc mua đất và không mượn vàng của L, nên không đồng ý theo yêu cầu nêu trên của chị L.

Ông bà không có yêu cầu gì đối với số vàng này.

* Người làm chứng Nguyễn Thị L và Nguyễn Thị C trình bày:

Ngày 04/10/2017, tại nhà bà Nguyễn Thị Tuyết (mẹ ruột L), có đầy đủ sui trai, sui gái, bà Trần Ngọc T nói lớn tiếng cho mọi người nghe là cha mẹ chồng đã cho nữ trang 32 chỉ vàng 24k đề nghị con dâu và hỏi ý kiến chị sui để vợ chồng bà mượn lại số vàng này bán đi mua đất cho vợ chồng L - N. Bà L và bà C không biết và không chứng kiến việc L có giao vàng cho mẹ chồng hay không.

* Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 151/2019/HNGĐ-ST ngày 17 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện P đã quyết định:

“1. Quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Mỹ L và anh Trần Văn N là vợ chồng.

2. Về con chung: Không có

3. Về chia tài sản: Không có.

Không chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Mỹ L đòi vợ chồng bà Trần Ngọc T, ông Trần Văn Q trả 32 chỉ vàng 24k loại 9999.

Về nợ chung: Ghi nhận hai bên xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.”

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, quyền thi hành án và thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Ngày 24/5/2019, chị Nguyễn Mỹ L có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc xem xét giải quyết: Buộc bị đơn Trần Văn N, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Trần Văn Q và bà Trần Ngọc T có trách nhiệm trả lại cho chị L 32 chỉ vàng 24k vàng 9999, đây là vàng nữ trang tặng cho riêng con dâu trong ngày cưới; yêu cầu trả lại 01 tủ đựng quần áo mà cha mẹ chị L tặng cho chị L khi về nhà chồng.

Quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, chị L cung cấp Tờ xác nhận của Ông Nguyễn Thanh H ngày 30/5/2019, có nội dung: Ông là người chuyển nhượng đất diện tích đất nông nghiệp 2.573m² (Tương đương 02 công tầm cắt) đất nông nghiệp cho ông Quan và bà T với giá 210.000.000đ. Khoảng tháng 6 và tháng 7 năm 2017, ông có đến nhà ông Quan, bà T thỏa thuận việc chuyển nhượng đất thì ông Quan, bà T có kêu con trai là anh N và con dâu là chị L cùng ngồi chung để thông qua việc chuyển nhượng đất. Ông có nghe nói do không đủ tiền, nên có mượn vàng của con để cho đủ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn trình bày: Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo buộc bị đơn Trần Văn N, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Trần Văn Q và bà Trần Ngọc T có trách nhiệm trả lại cho chị L 32 chỉ vàng 24k vàng 9999, đây là vàng nữ trang tặng cho riêng con dâu trong ngày cưới; yêu cầu trả lại 01 tủ đựng quần áo mà cha mẹ chị L tặng cho chị khi về nhà chồng.

- Bà Trần Ngọc T và ông Trần Văn Q không đồng ý trả 32 chỉ vàng 24k loại 9999, nhưng đồng ý giao trả cho chị L tủ áo bằng gỗ có kiến lùa.

- Người làm chứng là bà Lê Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị L trình bày: Hai bà là dì ruột của chị L, có dự tiệc mừng 5 tháng 5 tại nhà cha mẹ ruột của chị L, có nghe bà T hỏi mượn vàng cưới của L và thấy L giao vàng cho bà T tại buổi tiệc.

- Người làm chứng là Ông Nguyễn Thanh H trình bày có đến nhà của ông Quan, bà T nói việc chuyển nhượng đất, có gặp L, N tại nhà ông Quan, bà T, không nghe ông Quan, bà T nói việc mượn vàng của L - N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật.

+ Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Mỹ L về việc yêu cầu buộc bị đơn Trần Văn N, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Trần Văn Q và Trần Ngọc T có trách nhiệm trả lại cho chị L 32 chỉ vàng 24kr vàng 9999 và 01 tủ đựng quần áo mà cha mẹ chị L tặng cho chị khi về nhà chồng. Các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ thể hiện, anh N đã xác nhận 32 chỉ vàng cưới 24kr (bên chồng cho khi cưới) và 10 chỉ vàng 24kr + 14 chỉ vàng 18kr (gia đình chị L cho khi cưới), toàn bộ số vàng này chị L giữ, anh tự nguyện cho chị L, không yêu cầu chia. Chị L kiện đòi anh N, ông Quan, bà T số vàng vì cho rằng các ông bà trên đã mượn vàng của chị L để mua đất. Người làm chứng là bà Nguyễn Thị C và Nguyễn Thị L là di ruột của chị L xác nhận có nghe cha mẹ chồng L trao đổi với cha mẹ L về việc mượn 32 chỉ vàng cưới đã cho vợ chồng L để mua đất cho các con.

Kháng cáo tại cấp phúc thẩm chị L có cung cấp thêm chứng cứ “Tờ xác nhận về việc mua bán đất ngày 30/5/2019” giữa Ông Nguyễn Thanh H với ông Trần Văn Q, bà Trần Ngọc T. Theo đó ông Hùng khai rằng do không đủ tiền mua đất nên ông Quan và bà T có mượn vàng của con để mua, tại thời điểm đó ông Hùng xác nhận có sự có mặt của L và N, hiện đất đã được sang tên và ông Hùng đã nhận đủ tiền.

Từ những tình tiết chứng cứ nêu trên cho thấy việc bà T, ông Quan hỏi mượn vàng của chị L để mua đất là có thật và phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn và tại cấp sơ thẩm, chị L cung cấp người làm chứng là bà Nguyễn Thị C và Bà Nguyễn Thị L là di ruột của L khai nghe nói bà T có hỏi mượn vàng của L, không thấy việc L cho bà T mượn vàng nhưng tại phiên tòa hôm nay, bà C, Bà L đều xác nhận ngày mùng 05/5/2017 âm lịch 2017, nhà mẹ L có tổ chức ăn tiệc có cha, mẹ chồng của L là ông Quan, bà T đến cùng dự tiệc và hai bà có chứng kiến bà T hỏi mượn vàng của L và thấy L tháo hết số vàng nữ trang đang đeo trên người đưa cho bà T mượn; còn cấp sơ thẩm ghi lời khai của hai bà không đúng như ý kiến trình bày của hai bà; tuy lời khai của bà C, Bà L có sự bất nhất nhưng tại phiên tòa hôm nay, hai bà cam đoan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về lời khai tại phiên tòa hôm nay là đúng sự thật và cũng phù hợp về thời gian, địa điểm tại nhà mẹ ruột L hai bà có dự tiệc cùng hai vợ chồng ông Qua, bà T, mẹ ruột L, N và L; còn người làm chứng Ông Nguyễn Thanh H có tờ xác nhận ngày 30/5/2019, đánh máy vi tính, có xác nhận của ông Huỳnh Bảo Sơn Phó ấp L, xã L, huyện P, nội dung “ông Hùng có đến nhà ông Trần Văn Q để trao đổi việc mua bán đất và thấy L, N cùng ngồi chung bàn để bàn bạc việc mua bán đất và nghe nói không đủ tiền nên có mượn vàng của con để cho đủ...” nhưng tại phiên tòa hôm nay, ông Hùng thừa nhận có ký tên xác nhận vào tờ xác nhận ngày 30/5/2019 nhưng ông không thừa nhận nội dung tờ xác nhận này nhưng ông Hùng không có chứng cứ chứng minh bị ép buộc ký hay bị nhầm lẫn nên đề nghị HĐXX cần xem xét lời khai của anh Hùng tại phiên tòa hôm nay có trung thực, khách quan hay không

Đối với lời khai của bà Trần Ngọc T tại phiên tòa hôm nay, bà cho rằng ông Hùng chỉ đến nhà bàn chuyện cất lúa chứ không có lần nào đến nhà để bàn

chuyện mua bán đất thì lại mâu thuẫn với lời khai của ông Hùng tại phiên tòa hôm nay, là ông Hùng khai có đến nhà ông Quan, bà T để bàn chuyện mua bán đất, có thấy L, N đi lại trong nhà của ông Quan, bà T.

Tại phiên tòa hôm nay, chị L yêu cầu được nhận lại 01 tủ áo bằng gỗ, không rõ kích thước mà cha mẹ cho trong ngày cưới và được ông Quan, bà T thừa nhận 01 tủ áo bằng gỗ của L còn để tại nhà và ông, bà đồng ý trả lại cho L, nghĩ nên công nhận sự thỏa thuận này của các bên.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 2, Điều 308 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015: Chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Mỹ L; sửa Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 151/2019/HNGĐ-ST ngày 17/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện P để buộc anh Trần Văn N, ông Trần Văn Q, bà Trần Ngọc T có trách nhiệm trả lại cho chị Nguyễn Mỹ L 32 chỉ vàng 24kr, loại 9999; công nhận sự thỏa thuận của các bên là bà Trần Ngọc T, ông Trần Văn Q phải giao trả lại cho chị L 01 tủ áo bằng gỗ, không rõ kích thước; các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa và nghe lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy,

[1]. Việc vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Anh Trần Văn N có yêu cầu vắng mặt khi xét xử thể hiện qua văn bản ngày 06/6/2019, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh N theo quy định Khoản 2, Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục kháng cáo: Bản án sơ thẩm được tuyên ngày 17/5/2019, đến ngày 24/5/2019, chị Nguyễn Mỹ L kháng cáo là trong thời gian luật định, nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[3]. Về nội dung kháng cáo: Chị Nguyễn Mỹ L yêu cầu anh Trần Văn N, ông Trần Văn Q và bà Trần Ngọc T có trách nhiệm trả lại cho chị L 32 chỉ vàng 24k vàng 9999, đây là vàng nữ trang tặng cho riêng con dâu trong ngày cưới; yêu cầu trả lại 01 tủ đựng quần áo mà cha mẹ chị L tặng cho chị khi về nhà chồng.

[4]. Hội đồng xét xử xét thấy: Chị L kháng cáo yêu cầu anh N, ông Quan, bà T trả lại cho chị 32 chỉ vàng là tài sản riêng của chị được cha mẹ chồng cho riêng chị trong ngày cưới nhưng do ông Quan, bà T mượn để mua đất. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, chị L khai có cho cha mẹ chồng mượn 32 chỉ vàng với sự chứng kiến của hai người làm chứng là Bà Nguyễn Thị L và bà Nguyễn Thị C, những người này chứng kiến việc bà T, ông Quan kêu chị L đưa vàng để nhận chuyển nhượng đất. Tuy lời trình bày của Bà L và bà C lúc thì chứng kiến việc L đưa vàng cho mẹ chồng, lúc trình bày không chứng kiến. Nhưng quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Bà L và

bà C đều xác nhận có chứng kiến việc ông Quan bà T hỏi mượn vàng của L để nhận chuyển nhượng đất.

[5]. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà T trình bày, sau khi cưới chị L thì bà không có nhận chuyển nhượng đất, nhưng tại phiên tòa hôm nay bà T khai bà có nhận chuyển nhượng 02 công đất của ông Hùng vào khoảng tháng 7 năm 2018 trước khi chị L về nhà cha mẹ ruột ở (Tháng 8 năm 2017, chị L về nhà cha mẹ ruột ở). Như vậy, việc chị L trình bày bà T, ông Quan mượn vàng của chị để nhận chuyển nhượng đất là có cơ sở để chấp nhận.

[6]. Mặt khác, do phong tục tập quán của người Miền tây Nam bộ giữa những người có mối quan hệ cha mẹ chồng và con dâu, con dâu mới về nhà chồng việc cho mượn tài sản thông thường rất ít khi yêu cầu làm giấy tờ, nên chị L không có chứng cứ bằng văn bản để chứng minh, nhưng có những người làm chứng trình bày có nghe biết việc ông Quan, bà T mượn vàng của chị L để mua đất và thực tế bà T, ông Quan có nhận chuyển nhượng đất sau khi hỏi mượn vàng của chị L. Qua đó, có đủ căn cứ để xác định bà T, ông Quan có nhận 32 chỉ vàng của chị L.

[7]. Trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, chị L cung cấp người làm chứng là Ông Nguyễn Thanh H là người chuyển nhượng đất cho bà T, ông Quan, ông Hùng trình bày khi đến nhà ông Quan, bà T thỏa thuận việc chuyển nhượng đất thì có L và N cùng ngồi chung bàn để thông qua việc chuyển nhượng đất, ông nghe nói do không đủ tiền nên có mượn vàng của con để cho đủ. Tại phiên tòa, ông Hùng trình bày ông chỉ đến nhà ông Quan, bà T để kêu đưa tiền mua đất, không nói nội dung ông Quan, bà T mượn vàng của L. Do tại phiên tòa ông Hùng khai không biết việc ông Quan, bà T hỏi mượn vàng của chị L, nên ông Hùng không được xem là người làm chứng của vụ án.

[8]. Vàng cưới mặc dù nói cho cô dâu, nhưng được xác định là tài sản chung của vợ chồng. Tuy nhiên, do chị L và anh N không đăng ký kết hôn, không được công nhận vợ chồng, nên số nữ trang này được xác định là cho riêng chị L. Mặt khác, trong quá trình cấp sơ thẩm giải quyết anh N đã xác định cho chị L toàn bộ nữ trang cưới, nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của chị L, buộc ông Quan và bà T cùng liên đới trách nhiệm trả cho chị L 32 chỉ vàng 24k loại 9999.

[9]. Tại cấp sơ thẩm, chị L không yêu cầu trả vàng; qua trình bày của chị L tại phiên tòa thì anh N không mượn, không nhận vàng của chị L, nên Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của chị L về phần này; không buộc trách nhiệm liên đới của anh N trả cho chị L 32 chỉ vàng 24k loại 9999.

[10]. Đối với việc kháng cáo của chị L yêu cầu anh N, bà T và ông Quan trả lại 01 tủ gỗ đựng quần áo mà cha mẹ chị L tặng cho chị L khi về nhà chồng. Tại cấp sơ thẩm, chị L không yêu cầu đối với tài sản này, do yêu cầu này chưa được cấp sơ thẩm giải quyết, lẽ ra cấp phúc thẩm không xem xét yêu cầu đòi lại tủ gỗ. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, bà T, ông Quan đồng ý cho chị L nhận lại 01 tủ gỗ đựng quần áo của chị L; văn bản ngày 06/6/2019 anh N gửi cho Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, anh đồng ý cho chị L nhận lại 01 tủ gỗ

đựng quần áo của chị L. Đây là sự thỏa thuận của các đương sự không trái pháp luật, đạo đức xã hội, nên được Hội đồng xét xử công nhận theo quy định tại Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[11]. Đại diện Viện kiểm sát tỉnh An Giang đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Mỹ L. Xét thấy, đề nghị của Viện kiểm sát có một phần phù hợp với nhận định nêu trên, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Riêng đề nghị của Viện kiểm sát tỉnh về việc buộc anh N cùng liên đới với ông Quan, bà T trả cho chị L 32 chỉ vàng loại 9999 không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12]. Do đó, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Mỹ L, sửa Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 151/2019/HNGĐ-ST ngày 17 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện P về tài sản.

[13]. Về án phí: Chị L yêu cầu bà T và ông Quan trả vàng là tài sản đã mượn của chị, nên đây là việc đòi tài sản, đương sự phải chịu án phí không có giá ngạch, Bản án sơ thẩm buộc chị L chịu án phí có giá ngạch là chưa đúng quy định tại Khoản 1, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án (Viết tắt Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14). Cần sửa án sơ thẩm về án phí

[13.1]. Chị L phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của chị L được chấp nhận, nên chị không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm. Sau khi trừ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, chị L được nhận lại một phần tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[13.2]. Bà T và ông Quan phải chịu chung án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ, theo quy định tại Khoản 1, Điều 27 và Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

[14]. Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Áp dụng:

- Điều 300; Khoản 2, Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Khoản 1 Điều 27; Khoản 2, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

* Phúc xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Mỹ L.
- Sửa Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 151/2019/HNGĐ-ST ngày 17 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện P, cụ thể như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Mỹ L và anh Trần Văn N là vợ chồng.

2. Về con chung: Không có

3. Về tài sản chung: Không có.

- Chấp nhận khởi kiện của chị Nguyễn Mỹ L yêu cầu bà Trần Ngọc T và ông Trần Văn Q trả cho chị Nguyễn Mỹ L 32 (Ba mươi hai) chỉ vàng 24k loại 9999.

- Buộc bà Trần Ngọc T, ông Trần Văn Q cùng liên đới trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Mỹ L 32 (Ba mươi hai) chỉ vàng 24k loại 9999.

- Bác kháng cáo của chị L yêu cầu anh Trần Văn N cùng liên đới trách nhiệm với bà Trần Ngọc T, ông Trần Văn Q trả cho chị Nguyễn Mỹ L 32 (Ba mươi hai) chỉ vàng 24k loại 9999.

- Công nhận sự thỏa thuận của bà Trần Ngọc T, ông Trần Văn Q và anh Trần Văn N giao cho chị Nguyễn Mỹ L 01 tủ áo bằng gỗ (Tủ có kiến lùa) không rõ kích thước.

Về nợ chung: Ghi nhận hai bên xác định không có nợ chung, nhưng sau khi Bản án này có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của chị L và anh N thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

4. Về án phí:

- Án phí dân sự phúc thẩm: Chị Nguyễn Mỹ L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

- Án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Mỹ L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), được trừ qua 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số: 0005787 ngày 31/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh An Giang. Chị L đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

- Chị L được nhận lại 2.940.000đ (Hai triệu chín trăm bốn chục ngàn) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0005412 ngày 14/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

- Bà Trần Ngọc T, ông Trần Văn Q cùng liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

- Nơi nhận:**
- VKSND tỉnh An Giang;
 - TAND huyện P;
 - VKSND huyện P;
 - THA huyện P;
 - Đương sự;
 - Lưu: HS, Phòng KTNV và THA,
Tòa GD&NCTN, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Bùi Thị Nguyễn